

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**\*\*\*\*\***

**HUỶNH BỌNG**

**BIỆN PHÁP QUẢN LÝ  
CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT  
CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Quản lý giáo dục**

**Mã số: 60.14.05**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ  
GIÁO DỤC HỌC**

**Đà Nẵng - Năm 2012**

Công trình được hoàn thành tại  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. TRẦN VĂN HIẾU**

Phản biện 1: **PGS.TS LÊ QUANG SƠN**

Phản biện 2: **TS. VÕ NGUYỄN DU**

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ Giáo dục học họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 14 tháng 12 năm 2012.

*Có thể tìm hiểu luận văn tại:*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Sư phạm, Đại học Đà Nẵng.

## MỞ ĐẦU

### 1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

SV là tầng lớp xã hội trẻ tuổi đang trong quá trình học tập và rèn luyện, họ chưa có điều kiện và khả năng để có những tư tưởng, quan niệm, quan điểm về các hiện tượng pháp luật trong đời sống, cũng như kỹ năng vận dụng pháp luật vào cuộc sống. Hiểu và vận dụng pháp luật vào đời sống thực tế là một vấn đề hoàn toàn không đơn giản, chính vì thế, trong khi học tập pháp luật, họ cần phải được tập dượt, tiếp cận với thực tế, được tạo điều kiện để họ vừa nâng cao kiến thức lý luận, vừa có năng lực vận dụng pháp luật vào cuộc sống. Với ý nghĩa đó, ngoài việc học lý luận, nghiên cứu các quy phạm pháp luật, họ cần phải được nghiên cứu, tham gia các bài thực hành vận dụng pháp luật, giải quyết các tình huống pháp luật, tổ chức những hoạt động ngoại khoá liên quan đến pháp luật...

Tuy nhiên, công tác GDPL của ngành vẫn còn không ít hạn chế, thể hiện ở nhận thức của một số đơn vị về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của công tác này chưa đúng mức; chương trình, nội dung GDPL còn dàn trải, nặng về lý thuyết và chưa thống nhất ở các trường đại học, cao đẳng không chuyên luật; hình thức và phương pháp GDPL chậm được đổi mới; hoạt động GDPL ngoại khoá còn đơn điệu, thiếu hấp dẫn; đội ngũ nhà giáo, cán bộ làm công tác GDPL còn thiếu về số lượng, năng lực của một số cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu mới; kinh phí, tài liệu, trang thiết bị phục vụ công tác GDPL còn nhiều khó khăn; cơ chế phối hợp các lực lượng làm công tác GDPL cho SV chưa thực sự có hiệu quả.

Công tác giáo dục – đào tạo nói chung, công tác quản lý GDPL nói riêng trong nhà trường luôn được quan tâm nghiên cứu dưới nhiều cấp độ khác nhau, tuy nhiên, cho đến nay tại ĐHĐN chưa

có đề tài nghiên cứu khoa học nào về giải pháp quản lý công tác GDPL trong SV ĐHĐN. Đây là lần đầu tiên vấn đề này chọn nghiên cứu làm đề tài luận văn thạc sĩ Quản lý giáo dục.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, bản thân xin được chọn: *“Biện pháp quản lý công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên Đại học Đà Nẵng trong giai đoạn hiện nay”* làm đề tài nghiên cứu.

## **2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU**

Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, xác lập các biện pháp quản lý công tác GDPL cho SV góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở ĐHĐN.

## **3. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU VÀ ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU**

**3.1. Khách thể nghiên cứu:** Quản lý công tác GDPL cho SV.

**3.2. Đối tượng nghiên cứu:** Biện pháp quản lý công tác GDPL trong SV ở ĐHĐN.

## **4. GIẢ THUYẾT KHOA HỌC**

Việc quản lý GDPL cho SV ở ĐHĐN sẽ đạt hiệu quả cao, đáp ứng được yêu cầu đào tạo trong giai đoạn hiện nay nếu tăng cường quản lý công tác này qua việc thực hiện đồng bộ và có hệ thống các biện pháp bao quát từ tác động nhận thức, cải tiến nội dung đến tăng cường điều kiện và hoàn thiện cơ chế quản lý.

## **5. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU**

- Xây dựng cơ sở lý luận của quản lý công tác GDPL cho SV
- Khảo sát, phân tích và đánh giá thực trạng quản lý GDPL cho SV ở ĐHĐN
- Đề xuất các biện pháp tăng cường quản lý công tác GDPL cho SV ở ĐHĐN

## **6. PHẠM VI NGHIÊN CỨU**

### **6.1. Giới hạn khách thể điều tra đối với cán bộ quản lý và sinh viên ở ĐHĐN**

- 150 Cán bộ quản lý, cán bộ giáo dục: Ban Giám đốc, Ban CTSV, Ban Đào tạo ĐHĐN; Ban Giám hiệu, phòng Đào tạo, phòng Công tác sinh viên, chủ nhiệm khoa các trường thành viên; Ban chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội sinh viên ĐHĐN của các trường thành viên thuộc ĐHĐN.

- 400 sinh viên năm thứ 2, 3 đại học hệ chính quy tập trung của 4 trường đại học ở ĐHĐN.

**6.2. Thời gian khảo sát:** Từ tháng 8/2012 đến tháng 9/2012.

## **7. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

**7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận:** Nghiên cứu phân tích các tài liệu, nhằm xây dựng cơ sở lý luận cho đề tài.

### **7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn:**

- Điều tra, khảo sát (thông qua phiếu trưng cầu ý kiến).
- Phân tích, tổng hợp, chuyên gia, phỏng vấn.

**7.3. Phương pháp toán học:** Sử dụng các phép toán thống kê để xử lý số liệu, khảo sát.

## **8. ĐÓNG GÓP CỦA LUẬN VĂN**

Nội dung và kết quả nghiên cứu của luận văn có thể khai thác sử dụng làm tài liệu tham khảo khi xây dựng, hoạch định các chủ trương quản lý công tác GDPL ở ĐHĐN, đồng thời có thể làm tài liệu tham khảo cho cán bộ, SV trong các trường thuộc ĐHĐN.

## **9. CẤU TRÚC LUẬN VĂN**

Luận văn có 94 trang, gồm:

*Chương 1:* Cơ sở lý luận của quản lý công tác GDPL cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng.

*Chương 2:* Thực trạng quản lý công tác GDPL cho SV ĐHĐN trong giai đoạn hiện nay.

*Chương 3:* Các biện pháp tăng cường quản lý công tác GDPL cho SV ở ĐHĐN.

## **CHƯƠNG 1**

### **CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG**

#### **1.1. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ**

GDPL nói chung và quản lý GDPL cho SV đã được quy định trong một số văn bản của Đảng và Nhà nước và của ngành Giáo dục – Đào tạo, thành phố Đà Nẵng, ĐHĐN.

Đã có nhiều công trình nghiên cứu cấp Bộ, cấp Nhà nước, nhiều bài viết trên các tạp chí đã đề cập nhưng chủ yếu pháp luật chuyên ngành.

Những công trình, chỉ thị, văn bản trên ít nhiều đã có những đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện khung lý luận và nhất là đóng góp về nhận diện thực trạng, kiến nghị giải pháp về GDPL và GDPL cho SV. Tuy nhiên, liên quan đến nội dung GDPL và quản lý GDPL cho SV ở Thành phố Đà Nẵng nói chung và Đại học Đà Nẵng nói riêng thì gần như chưa có công trình nào nghiên cứu.

## **1.2. CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN**

### **1.2.1. Quản lý**

*“Quản lý là những tác động của chủ thể quản lý trong việc huy động, phát huy, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất”. [19]*

### **1.2.2. Các chức năng quản lý**

- Chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng điều hành (chỉ đạo), chức năng kiểm tra.

### **1.2.3. Quản lý giáo dục**

*“Quản lý giáo dục được hiểu là những tác động tự giác (có ý thức, có mục đích, có kế hoạch, có hệ thống, hợp quy luật) của chủ thể quản lý đến tất cả các mắt xích của hệ thống (từ cấp cao nhất đến các cơ sở giáo dục là nhà trường) nhằm thực hiện có chất lượng và hiệu quả mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ mà xã hội đặt ra cho ngành giáo dục”. [19]*

### **1.2.4. Quản lý nhà trường**

Quản lý nhà trường là thực hiện đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước trong phạm vi trách nhiệm của mình tức là đưa nhà trường vận hành theo nguyên lý giáo dục, để tiến tới mục tiêu giáo dục, mục tiêu đào tạo đối với ngành giáo dục, với thế hệ trẻ và với từng SV.

### **1.2.5. Khái niệm pháp luật và giáo dục pháp luật**

#### **1.2.5.1. Khái niệm pháp luật**

*“Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung do Nhà nước thừa nhận hoặc ban hành, được bảo đảm thực*

*hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội, tạo lập trật tự, ổn định cho sự phát triển xã hội”.* [29]

### **1.2.5.2. Khái niệm giáo dục pháp luật**

GDPL là hoạt động, có tổ chức, có mục đích của chủ thể giáo dục được thể hiện để cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm và định hướng hành vi hợp pháp cho đối tượng giáo dục nhằm hình thành ở họ ý thức, tình cảm pháp luật đúng đắn, thói quen tuân thủ pháp luật và tham gia tích cực vào các hoạt động pháp luật.

## **1.3. GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

### **1.3.1. Mục tiêu của giáo dục pháp luật**

Mục tiêu nhận thức, mục tiêu cảm xúc, mục tiêu GDPL nhằm hình thành động cơ hành vi và thói quen xử sự hợp pháp.

### **1.3.2. Chủ thể của giáo dục pháp luật**

Trong nhà trường đại học chủ thể GDPL là các tổ chức chính trị trong nhà trường: Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội SV...Đặc biệt là vai trò phụ trách trực tiếp là các Phòng công tác chính trị hoặc Công tác SV, trong đó vai trò của giáo viên chủ nhiệm hết sức quan trọng.

### **1.3.3. Đối tượng của giáo dục pháp luật**

Đối tượng GDPL trong trường đại học là SV.

### **1.3.4. Nội dung của giáo dục pháp luật**

Một trong những yếu tố quan trọng của quá trình GDPL là nội dung GDPL. Nội dung của GDPL được xác định trên cơ sở mục đích, đối tượng GDPL nhằm hình thành cho họ hệ thống tri thức pháp luật, tình cảm lòng tin và thói quen hành động phù hợp với yêu cầu của pháp luật.



### **1.3.5. Hình thức của giáo dục pháp luật**

Hình thức GDPL cho SV các trường đại học mang tính phổ biến truyền thống như nói chuyện, tọa đàm, hội thảo. Đặc biệt muốn thu hút được đông đảo SV tham gia là tổ chức các hoạt động lồng ghép trong việc GDPL cho SV.

### **1.3.6. Phương pháp giáo dục pháp luật**

Hiệu quả của công tác GDPL không chỉ phụ thuộc vào nội dung mà còn phụ thuộc vào phương pháp GDPL. Bởi vì, để chuyển tải được nội dung GDPL đòi hỏi chủ thể GDPL phải có cách thức, biện pháp tác động phù hợp với khả năng tiếp nhận của đối tượng. Có phương pháp GDPL tốt là một trong những yếu tố quyết định chất lượng, hiệu quả của công tác GDPL.

## **1.4. QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

### **1.4.1. Mục tiêu quản lý giáo dục ở trường đại học**

Mục tiêu của quản lý GDPL là làm cho quá trình GDPL vận hành đồng bộ, hiệu quả đề nâng cao chất lượng GDPL.

### **1.4.2. Chức năng quản lý giáo dục pháp luật**

Quản lý GDPL có các chức năng: Kế hoạch hoá, tổ chức thực hiện kế hoạch, chỉ huy điều hành, kiểm tra.

### **1.4.3. Nội dung quản lý giáo dục pháp luật**

Quản lý về nội dung và cách thức tổ chức thực hiện về hoạt động GDPL trong nhà trường. Bên cạnh đó, quản lý lực lượng tham gia công tác GDPL, điều kiện nguồn nhân lực và công tác thi đua khen thưởng để tạo ra hiệu quả tốt trong công tác quản lý GDPL.

### **1.4.4. Phương pháp quản lý giáo dục pháp luật**

Phương pháp quản lý GDPL là cách thức mà chủ thể quản lý tác động vào đối tượng quản lý nhằm đạt được những mục tiêu quản lý đã đề ra.

#### **1.4.5. Kết quả quản lý giáo dục pháp luật**

Kết quả quan trọng nhất của việc quản lý GDPL là làm sao cho quá trình GDPL tác động tới mọi người để hình thành cho họ ý thức, tình cảm và niềm tin với pháp luật, đích cuối cùng quan trọng nhất là tạo lập được những thói quen hành vi thực hiện pháp luật cụ thể được biểu hiện trong cuộc sống hàng ngày.

### **1.5. CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN TRONG NHÀ TRƯỜNG**

Có thể nói, toàn cầu hoá là một làn sóng vô cùng mạnh mẽ kéo theo tất cả mọi quốc gia, mọi dân tộc, mọi gia đình và cá nhân vào cuộc. Không một ai, không một quốc gia nào có thể đứng ngoài. SV là một trong những đối tượng chịu ảnh hưởng khá mạnh của xu thế toàn cầu hóa.

### **1.6. VAI TRÒ VÀ NHIỆM VỤ CỦA CÁC TỔ CHỨC TRONG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC**

Chức năng quản lý nói chung và quản lý giáo dục nói riêng được thể hiện thông qua 4 chức năng cơ bản đó là kế hoạch, tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra. Với cơ cấu tổ chức của ĐHĐN, Ban thanh tra pháp chế và Công tác thi đua phối hợp với Ban Công tác SV tham mưu cho Giám đốc chỉ đạo lãnh đạo các trường thành viên, các phòng Đào tạo, phòng Công tác SV trong công tác quản lý SV.

Ở cấp trường phòng Công tác SV trực tiếp quản lý công tác này, bên cạnh đó phối hợp với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội SV phối hợp tổ chức các hoạt động ngoại khoá cho SV.

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

#### **2.1. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

##### **2.1.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của thành phố Đà Nẵng**

Tháng 1/1997, Đà Nẵng được chia tách từ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) thành đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương; Ngày 15/7/2003 thành phố được Chính phủ công nhận là đô thị loại 1.

Tuy quy mô dân số, diện tích không lớn nhưng với vị trí địa lý, tiềm năng và cơ sở hạ tầng có phần thuận lợi, Đà Nẵng đang phấn đấu trở thành trung tâm kinh tế - thương mại và du lịch trọng yếu của miền Trung qua việc tăng cường khai thác tiềm năng con người kết hợp với việc thu hút đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài.

##### **2.1.2. Tình hình sinh viên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Tại thời điểm tháng 6/2011, thành phố Đà Nẵng có 27 trường đại học, cao đẳng với nhiều loại hình đào tạo khác nhau như công lập, ngoài công lập.

Theo báo cáo của Hội SV thành phố Đà Nẵng, hiện nay thành phố có 117.850 SV. Trong đó, SV đại học chiếm 50,15%, SV

cao đẳng chiếm 49, 85%; nữ SV chiếm 48,32%; SV ngoài công lập gần 53.000 người, chiếm 44, 95%.

### **2.1.3. Tình hình sinh viên vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**

Theo số liệu được Công an phòng P83 thành phố Đà Nẵng cung cấp, trong 9 tháng đầu năm 2012 số vụ SV vi phạm pháp luật trên địa bàn thành phố là 90 vụ, 126 đối tượng.

- Khởi tố truy tố trách nhiệm hình sự: 72 trường hợp, xử lý hành chính: 54 trường hợp.

- Số vụ sinh viên ĐHĐN chiếm tỷ lệ rất thấp: 04 vụ bị khởi tố.

Trong đó: 01 vụ trộm cắp tài sản, 01 vụ cố ý gây thương tích, 01 vụ đánh bạc, 01 trộm cắp tài sản.

Xử lý của công an: 04 trường hợp bị xử lý hành chính, 01 trường hợp bị truy tố đánh bạc.

## **2.2. VÀI NÉT VỀ ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

ĐHĐN được thành lập theo Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các trường: Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Cơ sở Đại học Sư phạm Ngoại ngữ Đà Nẵng, Cao đẳng Sư phạm Quảng Nam - Đà Nẵng và Trường Công nhân Kỹ thuật Nguyễn Văn Trỗi Đà Nẵng.

ĐHĐN với vai trò to lớn đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của khu vực và cả nước, đứng chân trên địa bàn có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn cả về khách quan và chủ quan, ảnh hưởng đến việc quản lý GDPL cho SV của ĐHĐN.

## **2.3. KHÁI QUÁT VỀ QUÁ TRÌNH KHẢO SÁT**

### **2.3.1. Mục tiêu khảo sát**

Khảo sát thực trạng quản lý công tác GDPL cho SV ĐHĐN, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp quản lý công tác GDPL phù hợp với điều kiện các trường thuộc ĐHĐN hiện nay.

### **2.3.2. Đối tượng và địa bàn khảo sát**

Đối tượng: Cán bộ quản lý, Đoàn, Hội, GVCN, Giảng viên và SV các trường: Đại học Bách khoa, Đại học Kinh tế, Đại học Sư phạm, Đại học Ngoại ngữ thuộc ĐHĐN.

- *Phiếu lấy ý kiến của cán bộ:* 150 phiếu

- *Phiếu lấy ý kiến của SV:* 400 phiếu

(Mỗi trường 100 phiếu)

### **2.3.3. Nội dung khảo sát**

*Đối với SV:*

- Nhận thức, thái độ, hành vi của SV về GDPL.
- Ý kiến của SV về thực trạng công tác GDPL cho SV ở các trường hiện nay.

*Đối với cán bộ quản lý, Đoàn TN, Hội sinh viên, GVCN, Giảng viên:*

- Ý kiến về thực trạng quản lý công tác GDPL cho SV của nhà trường.
- Nhận định về thực trạng quản lý công tác GDPL cho SV của nhà trường.

### **2.3.4. Phương pháp khảo sát**

Khảo sát bằng phương pháp Anket (điều tra bằng phiếu hỏi)

Ngoài ra chúng tôi còn sử dụng một số phương pháp khác hỗ trợ như: phương pháp quan sát, phương pháp phỏng vấn và sử dụng phương pháp toán học để thống kê số liệu khảo sát và tổng hợp số

liệu từ cơ quan Công an thành phố Đà Nẵng và Ban công tác HSSV ĐHĐN.

### **2.3.5. Kết quả khảo sát**

Kết quả khảo sát được xử lý bằng các thống kê và là những thông tin chủ yếu để đánh giá thực trạng tình hình GDPL cho SV ở ĐHĐH hiện nay.

## **2.4. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN Ở ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

### **2.4.1. Về mặt nhận thức:**

Đại đa số ý kiến thấy rằng việc GDPL cho SV trong nhà trường là cần thiết, chứng tỏ công tác GDPL lâu nay chưa được chú trọng và đầu tư đúng mức, công tác GDPL hiện nay là rất cấp thiết.

### **2.4.2. Thực trạng công tác giáo dục pháp luật của nhà trường**

Nhận định, đánh giá của SV về công tác tuyên truyền GDPL của nhà trường trong thời gian qua ở mức độ bình thường

### **2.4.3. Về hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật**

Từ những nguyên nhân trên, để nâng cao GDPL cho SV những hình thức, phương pháp, hoạt động là rất cần thiết, phương pháp, hình thức GDPL cho SV ĐHĐN hiện nay các trường đang thường xuyên sử dụng: xây dựng môi trường, cảnh quan văn hoá trong nhà trường, chỉ đạo thực hiện nội quy, quy chế nghiêm túc, tăng cường giao lưu với các trường, xây dựng nội quy, quy chế chặt chẽ.

## **2.5. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Nhìn chung công tác quản lý GDPL cho SV vẫn gặp nhiều khó khăn từ nhiều phía, nhất là về mặt nhận thức của SV về GDPL chưa được tốt, chưa nhận thấy tầm quan trọng của việc GDPL thêm

vào đó môi trường xã hội phức tạp, dễ bị dụ dỗ, lôi kéo dẫn đến vi phạm pháp luật.

Trong thực tế, chưa phải các trường đều xác định rõ tầm quan trọng của công tác quản lý GDPL cho SV nhằm đạt mục đích giáo dục toàn diện, nâng cao chất lượng đào tạo. Nhận thức của SV về GDPL chưa cao, điều này càng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải phải nâng cao nhận thức cho SV trong công tác GDPL. Vấn đề kinh phí, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác GDPL của các nhà trường đang là một khó khăn đòi hỏi lãnh đạo các đơn vị phải tập trung quan tâm, đầu tư tài lực, vật lực cho công tác này.

## **2.6. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VÀ QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Như trên đã phân tích, về mặt nhận thức, tuy không nhiều nhưng vẫn còn một bộ phận trong lực lượng tham gia quản lý công tác GDPL cho SV, vì lý do này hay lý do khác chưa xác định một cách đầy đủ vai trò, tầm quan trọng của công tác này trong trường đại học, hoặc đã nhận thức nhưng chưa thể hiện bằng những công việc cụ thể hay nói đúng hơn là một bộ phận CBQL, CBGD còn chưa thực sự nhập cuộc đóng góp vào việc thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện con người trong bối cảnh mới của đất nước.

## **CHƯƠNG 3**

### **CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

#### **3.1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHO VIỆC XÁC LẬP CÁC BIỆN PHÁP GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

##### **3.1.1. Những văn bản chỉ đạo**

ĐHĐN ban hành Kế hoạch số 233/KH-ĐHĐN ngày 12 tháng 01 năm 2012 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường 2012 với mục tiêu: Đẩy mạnh công tác GDPL trong SV ĐHĐN, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của SV, phê phán và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm, xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật, tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. Kết hợp giáo dục chính khóa với giáo dục ngoại khóa.

##### **3.1.2. Các nội dung chính**

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các văn bản pháp luật

##### **3.1.3. Một số giải pháp hỗ trợ khác**

Hoàn thiện Tiểu ban Pháp chế trong Ban Thanh tra, Pháp chế và Thi đua. Thành lập Tổ Thanh tra – Pháp chế tại các Trường thành viên và Phân hiệu ĐHĐN tại Kon Tum.

##### **3.1.4. Về tổ chức thực hiện**

- Đối với cấp ĐHĐN

+ Ban Tổ chức Cán bộ tham mưu cho Giám đốc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án 1928 về phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường; phối hợp với Văn phòng Đảng ủy lập kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các chủ trương của Đảng,



Nhà nước trong cán bộ , viên chức, xây dựng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật.

- Đối với các trường thành viên , Phân hiệu thuộc Đại học Đà Nẵng

+ Các Trường và Phân hiệu ĐNĐN tại Kon Tum tiến hành thành lập Tổ Thanh tra – Pháp chế trực thuộc Ban Giám hiệu (hoặc Phòng Đào tạo ). Trong Tổ có Nhóm Pháp chế thực hiện công tác pháp chế trong nhà trường và cùng các phòng chức năng tham mưu cho Ban Giám hiệu triển khai kế hoạch này.

### **3.2. NGUYÊN TẮC XÁC LẬP BIỆN PHÁP**

**3.2.1. Biện pháp quản lý công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên phải góp phần nâng cao chất lượng đào tạo**

**3.2.2. Bảo đảm tính thực tiễn**

**3.2.3. Bảo đảm tính thống nhất, toàn vẹn, hệ thống của quá trình giáo dục**

**3.2.4. Bảo đảm phát huy vai trò chủ động, tích cực của các lực lượng tham gia công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên**

### **3.3. CÁC BIỆN PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CÔNG TÁC GIÁO DỤC PHÁP LUẬT CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

**3.3.1. Nâng cao nhận thức chung của các cấp quản lý về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên**

Qua thực tiễn cho thấy nhận thức của các cấp quản lý về tầm quan trọng của công tác GDPL trong SV thời gian qua chưa cao, nhiều bộ phận chưa thấy rõ trách nhiệm của mình trong công tác này. Theo chúng tôi, điều đầu tiên là phải nâng cao nhận thức cho đội ngũ cán bộ chủ chốt, từ đó phát huy tinh cộng đồng trách nhiệm trong quản lý công tác GDPL cho SV.

### **3.3.1.1. Mục đích, ý nghĩa**

Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp uỷ Đảng, chính quyền và đoàn thể trong nhà trường, làm cho họ thấy được tầm quan trọng và sự cần thiết của công tác GDPL, tiến đến đạt được sự nhất quán trong nhận thức của mọi người về mục tiêu, nội dung, phương pháp và cách huy động tiềm năng của xã hội trong công tác này.

### **3.3.1.2. Nội dung và tổ chức thực hiện**

- Đội ngũ cán bộ quản lý, phải tổ chức quán triệt tốt chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước, quy định của Bộ GD-ĐT, các ban ngành của thành phố Đà Nẵng về công tác GDPL trong SV.

- Đối với cán bộ Đoàn, Hội phải nắm bắt chủ trương của Đảng, chính quyền để có định hướng cho các hoạt động của mình trong việc tổ chức các hoạt động mang màu sắc GDPL lôi cuốn đông SV tham gia có chất lượng và đạt hiệu quả giáo dục cao.

- Đối với cán bộ giảng dạy, phải nâng cao tinh thần mẫu mực về đạo đức và tác phong sư phạm của người giáo viên.

### **3.3.2. Phối hợp chặt chẽ các lực lượng trong và ngoài trường tham gia giáo dục pháp luật cho SV**

#### **3.3.2.1. Mục đích và ý nghĩa**

Trong nhà trường, công tác GDPL và quản lý công tác GDPL cho SV là một hoạt động lâu dài, bền bỉ, chịu sự tác động của nhiều yếu tố từ bên ngoài gồm nhiều thành viên tham gia. Chính vì vậy, để tăng cường công tác GDPL và quản lý công tác GDPL cho SV cần phải có một kế hoạch tổng thể và chi tiết, tạo ra được một guồng máy thống nhất, đồng thuận trong suy nghĩ, nhận thức, việc làm hay nói khác đi là phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên của lực lượng trong nhà trường và ngoài xã hội.

### **3.3.2.2. Nội dung và tổ chức thực hiện**

*Phối hợp các lực lượng trong nhà trường.*

*Phối hợp với các lực lượng ngoài nhà trường.*

### **3.3.3. Kiến toàn bộ máy tổ chức quản lý công tác giáo dục pháp luật cho sinh viên ĐHĐN**

#### **3.3.3.1. Mục đích và ý nghĩa**

Xác định công tác GDPL trong SV có ý nghĩa hết sức quan trọng trong sự nghiệp giáo dục – đào tạo, thời gian qua các cấp ủy Đảng từ ĐHĐN đến các trường thành viên luôn quan tâm đầu tư xây dựng bộ máy, bố trí nguồn nhân lực, kinh phí thực hiện chức năng quản lý SV trên tất cả mọi lĩnh vực đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng hiện nay, trước tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường... bộ máy nhân sự làm công tác SV nói chung, công tác GDPL nói riêng còn nhiều bất cập chưa theo sát và đáp ứng được yêu cầu của công tác quản lý GDPL cho SV hiện nay.

#### **3.3.3.2. Nội dung và tổ chức thực hiện**

Để củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy công tác SV và công tác GDPL trong thời gian đến, cần tập trung:

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân sự cho Ban Công tác HSSV ĐHĐN và Phòng Công tác SV các trường, cán bộ phận công tác GDPL, nhân sự quản lý KTX, Ban cán sự lớp, Ban tự quản SV vào hoạt động nề nếp. Đây là lực lượng chủ yếu tuyên truyền, nắm bắt diễn biến tình hình trong SV và trực tiếp quản lý SV. Do đó, cán bộ làm công tác này phải có những phẩm chất đạo đức và phẩm chất chính trị tốt, có năng lực quản lý và điều hành, có uy tín nhất định đối với lực lượng SV, từ đó mới có khả năng định hướng SV vào những hoạt động lành mạnh, bổ ích mang tính giáo dục cao.

### **3.3.4. Đa dạng hoá nội dung, hình thức và cải tiến phương pháp giáo dục pháp luật cho sinh viên**

#### **3.3.4.1. Mục đích và ý nghĩa**

Công tác GDPL cần phải đa dạng về nội dung và cũng như hình và cải tiến phương pháp hoạt động nhằm lôi cuốn đông đảo SV tham gia. Tập trung được nhiều đối tượng nhằm nâng cao công tác GDPL cho SV.

#### **3.3.4.2. Nội dung và tổ chức thực hiện**

Trong công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL cho SV, cần làm thường xuyên, kiên trì và phải đạt hiệu quả. SV rất muốn tìm hiểu về pháp luật, nhất là những điều luật liên quan trực tiếp đến sinh hoạt, học tập và tương lai nghề nghiệp của mình. Thực tế tình trạng thanh thiếu niên phạm pháp, đa số là do chưa hiểu biết đúng về pháp luật. Tăng cường tuyên truyền GDPL cho SV cũng chính là tăng tính tự giác, tính kỉ cương, đảm bảo định hướng đúng đắn cho các phong trào hành động cách mạng trong SV, hạn chế tình trạng vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, đồng thời nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, phát huy vai trò của SV trong việc phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch, trong việc đấu tranh ngăn ngừa, phòng chống các tiêu cực và tệ nạn xã hội.

### **3.3.5. Tăng cường các điều kiện hỗ trợ và tạo động lực cho công tác giáo dục pháp luật**

#### **3.3.5.1 Mục đích và ý nghĩa**

Công tác GDPL cho SV ngoài việc chuẩn bị nguồn nhân lực, nội dung và phương pháp thực hiện thì cần có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, kinh phí tổ chức hoạt động, chế độ, chính sách, thi đua, khen thưởng. Cơ sở vật chất và phương tiện đầy đủ sẽ là điều

kiện thuận lợi để tổ chức các hình thức GDPL cho SV trong nhà trường đa dạng, hấp dẫn và mang lại hiệu quả cao.

### **3.3.5.2. Nội dung và tổ chức thực hiện**

Cũng như những môn văn hóa, GDPL rất cần các phương tiện dạy học. Thư viện, văn phòng Đoàn trường, Câu lạc bộ phải có các loại sách báo, tài liệu và các trang thiết bị như tivi, băng hình, hệ thống âm thanh,...Nhà trường phải có bảng tin hoạt động cập nhật những thông báo, thông tin về công tác GDPL. Các phương tiện dạy học đóng vai trò quan trọng, không chỉ giúp SV khắc sâu kiến thức mà còn tác động đến tình cảm, thái độ của SV. Vì vậy, cần phải quản lý, sử dụng hợp lý cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác GDPL cho SV.

Cần bảo đảm kinh phí cho hoạt động GDPL trong nhà trường. Thực tế những năm qua cho thấy do khó khăn về nguồn tài chính nên việc phân bổ kinh phí hằng năm cho công tác này trong các trường học còn rất hạn chế.

Theo khảo sát tại các trường, hiện nay vẫn chưa có nguồn kinh phí hằng năm dành riêng cho công tác GDPL. Để đảm bảo công tác này được triển khai thường xuyên, liên tục và có hiệu quả, theo chúng tôi, các trường nhất thiết phải dành riêng một khoản kinh phí cho công tác GDPL.

## **3.4. MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC BIỆN PHÁP**

Mỗi biện pháp có những ưu điểm và có những hạn chế nhất định, do đó 5 biện pháp trên phải được thực hiện một cách có hệ thống và đồng bộ. Đó là điểm then chốt của đề tài mà chúng tôi mạnh dạn đưa ra trong luận văn này. Nó ít có ý nghĩa khi thực hiện đơn lẻ từng biện pháp.

### **3.5. KIỂM CHỨNG TRÊN NHẬN THỨC VỀ TÍNH CẦN THIẾT VÀ TÍNH KHẢ THI CỦA CÁC BIỆN PHÁP ĐÃ NÊU**

Để kiểm chứng các biện pháp trên chúng tôi tiến hành trưng cầu ý kiến đội ngũ cán bộ chủ chốt và các giảng viên có kinh nghiệm về tính cấp thiết và tính khả thi.

Qua trưng cầu chúng tôi thấy, đại đa số người được hỏi đều cho rằng cần thiết phải thực hiện các biện pháp trên, đa số cho rằng các biện pháp trên đều có thể thực hiện được.

## **KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận**

Từ các kết quả phân tích ở trên, cho phép chúng tôi rút ra một số kết luận tổng quát sau đây:

- Đối với việc hình thành nhân cách của một con người thì việc hình thành các phẩm chất đạo đức phù hợp với chuẩn mực và yêu cầu của xã hội là vấn đề mang tính cốt lõi cơ bản. Có thể khẳng định GDPL cho SV là một bộ phận quan trọng có tính chất nền tảng của giáo dục nói chung trong nhà trường. Vì vậy, quản lý GDPL cho SV là một trong những nhiệm vụ quan trọng của nhà trường đại học.

- Qua kết quả nghiên cứu thực tiễn cho thấy, công tác quản lý GDPL cho SV nhìn chung đã được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, các Bộ, Ban ngành, các tổ chức đoàn thể, xã hội. Điều đó thể hiện trong các văn kiện của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành liên quan ...

Ở ĐHQĐN công tác này được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền và các đoàn thể:

+ Nhiều các cán bộ quản lý đã có nhận thức đúng về tầm quan trọng của công tác quản lý GDPL cho SV. Tuy nhiên, ý thức và trách nhiệm nhập cuộc nhằm tạo chuyển biến thật sự công tác này vẫn còn nhiều hạn chế.

+ Bước đầu đã có cải cách bộ máy ở tầm vĩ mô.

*Bên cạnh những thành tích cơ bản không thể phủ nhận được, vẫn còn nhiều bất cập yếu kém:*

+ Bộ máy tổ chức thiếu đồng bộ không có bộ phận chuyên trách, đội ngũ cán bộ thiếu về số lượng, yếu về chuyên môn nghiệp vụ trong khi số lượng SV đông, phân tán trên địa bàn rộng.

+ Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch còn yếu.

+ Nội dung giáo dục phiến diện, hình thức nghèo nàn, thiếu hấp dẫn, phương pháp hành chính đơn thuần do đó dẫn đến nhận thức của SV về mặt lý thuyết sách vở thì tương đối cao nhưng hành vi thực tế không phản ánh đúng nhận thức. Nhận thức và lời nói không đi đôi với việc làm.

+ Việc kiểm tra, đánh giá chưa được tiến hành thường xuyên và chưa có quy định cụ thể.

+ Việc khen thưởng, xử phạt chưa được xây dựng thành quy định, chưa đủ mạnh để động viên khuyến khích mọi người.

*Nguyên nhân:*

- Nhà trường vẫn chưa thực sự quan tâm và đầu tư cho công tác này kể cả về con người và vật chất.

- Chưa có hệ thống văn bản pháp quy xác định nhiệm vụ, quy định trách nhiệm, nội dung cụ thể gây khó khăn cho công tác quản lý, chỉ đạo. Việc kiểm tra đánh giá còn buông lỏng, không thường xuyên.

- Buông lỏng việc định hướng bằng kế hoạch vĩ mô, chậm đổi mới công tác kế hoạch hoá cho phù hợp với tình hình mới.

- Công tác thanh tra kiểm tra còn quá yếu, việc xử lý và khắc phục những tiêu cực còn chậm, thiếu cương quyết, kém hiệu quả.

- Việc rèn luyện ý thức pháp luật của SV chưa được coi là một yêu cầu, tiêu chí quan trọng khi xét các quyền lợi đối với SV như lên lớp, tốt nghiệp, học bổng ...

Từ việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn, chúng tôi đề xuất 5 biện pháp quản lý GDPL cho SV ĐHĐN.

Bằng phương pháp chuyên gia chúng tôi đã chứng minh rằng, các biện pháp trên là *khoa học, cần thiết và có thể thực hiện được.*



Các biện pháp trên phải được thực hiện một cách có *hệ thống* và *đồng bộ*. Hiệu quả sẽ thấp và ít có ý nghĩa khi thực hiện đơn lẻ từng biện pháp như đã nêu trên.

## **2. Khuyến nghị**

### **\* Với Bộ Giáo dục và Đào tạo**

- Xây dựng hệ thống văn bản pháp quy xác định nhiệm vụ, quy định trách nhiệm, nội dung thực hiện việc quản lý GDPL trong trường đại học, cao đẳng.

- Coi việc rèn luyện ý thức pháp luật của SV là một yêu cầu, tiêu chí quan trọng khi xét các quyền lợi đối với SV như lên lớp, tốt nghiệp...

- Cần có chế độ chính sách thoả đáng cho đội ngũ cán bộ làm công tác GDPL.

### **\* Với Đại học Đà Nẵng**

- Xây dựng bộ máy chuyên trách đồng bộ, đủ về số lượng và mạnh về chất lượng, có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ quản lý.

- Cần đầu tư cho công tác kế hoạch về công việc này, cả kế hoạch dài hạn (5 năm, 10 năm) và cụ thể cho từng học kỳ, từng năm học.

- Coi việc GDPL cho SV là một nội dung đánh giá đối với cán bộ quản lý và có chế độ thoả đáng nhằm khuyến khích mọi thành phần tham gia.

- Đưa môn GDPL đại cương vào giảng dạy ở các lớp không chuyên luật, (hiện nay chỉ có 01 trường Đại học Kinh tế giảng dạy cho các lớp không chuyên).

**\* Với các Trường, các Khoa**

- Nắm bắt kịp thời tình hình tư tưởng của SV để có biện pháp giáo dục thích hợp hoặc ngăn chặn kịp thời những biểu hiện, hành vi xấu ảnh hưởng đến tập thể SV, uy tín của nhà trường.

- Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bên ngoài nhà trường trong công tác GDPL cho SV (đặc biệt là các cơ quan chức năng thực thi pháp luật).

**\* Với Đoàn thanh niên và Hội sinh viên**

Thường xuyên tổ chức cho SV tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, hoạt động thực tiễn trong công tác GDPL cho SV tạo ra sân chơi đa dạng phong phú và phù hợp với SV.

**2.5.. Với gia đình sinh viên**

Thường xuyên liên lạc với trường để nắm tình hình học tập rèn luyện của con em mình, kịp thời phối hợp với nhà trường trong việc GDPL cho SV.